

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17 /2022/HNGĐ-ST

Ngày 24- 11- 2022.

V/v: Không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: ông Tòng Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Hoàng Quang Trung
2. bà Bùi Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: ông Lý A Đà- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải: ông Đoàn Xuân Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Giàng A C, sinh năm 1990

Trú tại: bản L, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt. (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* chị Mùa Thị D, sinh năm 1995

Trú tại: bản L, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn:* ông Nguyễn Quốc Lâm- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Yên Bái. Có mặt.

Người phiên dịch: ông Thào A Dờ, sinh năm 1979- Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2022 và các biên bản lấy lời khai nguyên đơn anh Giàng A C trình bày: Anh và chị Mùa Thị D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do chị Mùa Thị D đã bỏ nhà đi làm ăn xa thỉnh thoảng gọi điện về hỏi thăm gia đình và không nói địa chỉ ở đâu, không chịu về nhà. Khi mâu thuẫn xảy ra anh C, chị D chưa được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải. Tuy nhiên tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị D không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Mùa Thị D.

Trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, mặc dù đã được triệu tập, niêm yết nhiều lần nhưng chị Mùa Thị D cố tình trốn tránh, được thể hiện trong biên bản xác minh ngày 19 tháng 10 năm 2022, chị D vắng mặt tại địa phương không rõ đi đâu, làm gì, chính quyền địa phương không nắm được.

Về con chung: Anh Giàng A C trình bày anh và chị D có 04 con chung:

1. Giàng Thị Kang B, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2010;
2. Giàng Thị Thùy Ch, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2012;
3. Giàng Thị S, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2018;
4. Giàng Thị Ngọc S, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2020.

Anh Giàng A C đề nghị được nuôi cả 04 con chung, không yêu cầu chị Mùa Thị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/10/2022 cháu Giàng Thị Kang B và Giàng Thị Thùy Ch khai nhận “Nếu bố, mẹ ly hôn cháu xin được ở với bố”.

+ *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh Giàng A C và chị Mùa Thị D chưa tạo lập được khối tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận Anh Giàng A C và chị Mùa Thị D là vợ chồng; anh Giàng A C có trách nhiệm nuôi dưỡng các con chung, chị Mùa Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong việc tham gia tố tụng; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nguyên đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: về quan hệ hôn nhân, đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận anh Giàng A C và chị Mùa Thị D là vợ chồng; anh Giàng A C có

trách nhiệm nuôi dưỡng các con chung, chị Mùa Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Giàng A C khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn chị Mùa Thị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28, 35, 36, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ; tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng, nguyên đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng A C và chị Mùa Thị D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 nhưng không đăng kết hôn, chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Mùa Thị D đi làm ăn xa, không quan tâm đến gia đình, mặc dù đã được triệu tập, niêm yết nhiều lần nhưng chị Mùa Thị D cố tình trốn tránh. Anh Giàng A C xác định tình cảm vợ, chồng không còn nên anh C làm đơn yêu cầu ly hôn chị D. Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Giàng A C và chị Mùa Thị D có đủ điều kiện kết hôn mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình không công nhận anh Giàng A C và chị Mùa Thị D là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Giàng A C và chị Mùa Thị D có 04 con chung nhưng do chị D đi làm ăn xa không quan tâm đến gia đình và các con. Do đó cần giao 04 con chung là Giàng Thị Kang B, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2010; Giàng Thị Thùy Ch, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2012; Giàng Thị S, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2018 và Giàng Thị Ngọc S, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2020 cho anh Giàng A C nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cho các cháu, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Giàng A C và chị Mùa Thị D không có tài sản gì có giá trị nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về ý kiến giải quyết của kiểm sát viên và người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn: Phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, đảm bảo đúng quyền và lợi ích của các bên đương sự nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Các đương sự thuộc diện hộ nghèo; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, nên Tòa án căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 36, 39, 147, khoản 2 Điều 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Giàng A C và chị Mùa Thị D là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Giàng A C trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung là Giàng Thị Kang B, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2010; Giàng Thị Thùy Ch, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2012; Giàng Thị S, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2018 và Giàng Thị Ngọc S, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2020; chị Mùa Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện MCC;
- Chi cục THADS huyện MCC;
- UBND xã La Pán Tán;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền lợi của đương sự;
- Lưu: HS (2); TA; tiểu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tòng Văn Quân